



BIỂN ĐÔNG VÀ CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG QUỐC DƯỚI GÓC NHÌN QUAN HỆ QUỐC TẾ

Nguyễn Đăng Khoa*

Trường Đại học Công nghệ TP Hồ Chí Minh

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25-7-2016; ngày phân biên đánh giá: 10-12-2016; ngày chấp nhận đăng: 27-8-2017

TÓM TẮT

Tình hình Biển Đông từ đầu thế kỉ XXI đến nay luôn được xem là một điểm nóng của thế giới tiềm ẩn nhiều nguy cơ xung đột. Nguyên nhân chính xuất phát từ các hành động và chính sách của Trung Quốc tại khu vực này. Bài viết sẽ phân tích chính sách của Trung Quốc tại Biển Đông dưới góc nhìn của một vài học thuyết địa – chính trị và quan hệ quốc tế, cụ thể là “Thuyết chuyển giao quyền lực” và “Thuyết cường quốc Biển”.

Từ khóa: Biển Đông, chính sách đối ngoại Trung Quốc, Thuyết chuyển giao quyền lực, Thuyết cường quốc Biển.

ABSTRACT

Vietnam's East Sea and the policy of China from an international relations perspective

The maritime dispute in East Sea since the beginning of 21st Century is one of the most tensioned issue in the world, posing implicit conflict threats. The main reason comes from the acts and policy of China in this area. This paper will analyze the policy of China in East Sea from the view of several geo-political and international relations theories, specifically the “Power Transition Theory” and the “Theory of Sea Power”.

Keywords: East Sea, foreign policy of China, power transition theory, theory of sea power.

1. Đặt vấn đề

Vấn đề xung đột trên Biển Đông từ lâu đã là một mối đe dọa tiềm tàng cho sự phát triển của khu vực. Sự “trỗi dậy” nhanh chóng của Trung Quốc kéo theo nhu cầu mở rộng ảnh hưởng (expanding influence) ra bên ngoài, trong đó Biển Đông là ưu tiên hàng đầu trong định hướng này của chính quyền Bắc Kinh. Căng thẳng tại đây bắt đầu leo thang sau khi Trung Quốc đệ trình Liên Hiệp Quốc tấm bản đồ có vẽ “đường

đứt khúc 9 đoạn”¹ tuyên bố chủ quyền 80% diện tích Biển Đông vào năm 2009. Kể từ thời điểm đó, nước này đã tiến hành các biện pháp nhằm hợp pháp hóa đòi hỏi chủ quyền vô lí bất chấp sự phản đối của quốc tế như: Cho tàu tuần tra khu vực Biển Đông, bắt giữ tàu cá của các nước láng

¹ Đường đứt khúc chín đoạn (còn gọi là Đường lưỡi bò) là đường quy định ranh giới lãnh thổ trên Biển do chính quyền Trung Quốc đơn phương đặt ra để tuyên bố sở hữu hơn 80% diện tích Biển Đông, chồng lên cả Khu vực đặc quyền kinh tế (EEZ) 200 hải lí của Việt Nam, Philippines, Malaysia, Indonesia và Brunei.

* Email: khoa.teddy@gmail.com

giềng, thành lập trái phép thành phố Tam Sa ở quần đảo Hoàng Sa, đưa tàu hải giám đến chiếm giữ bãi cạn Scarborough nằm trong Vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lí (EEZ) của Philippines, đưa dàn khoan Hải Dương HD-981 hạ đặt tại EEZ của Việt Nam, bồi đắp và mở rộng các hòn đảo, bãi đá, xây dựng đường băng quân sự tại quần đảo Trường Sa...

Ngày 22-01-2013, dựa trên Công ước Liên hiệp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS), chính phủ Philippines đã đệ đơn kiện Trung Quốc lên Tòa trọng tài thường trực (PCA) tại La Hague vì các hành vi của nước này trên Biển Đông. Mặc cho sự phản đối dữ dội và những đe dọa từ phía Trung Quốc, Tòa PCA đã thụ lí vụ kiện. Sau hơn 3 năm xem xét, ngày 12-07-2013, Tòa PCA (2013) đưa ra phán quyết với nội dung chính như sau:

Xem xét Điều 2 trong đơn kiện (Submission No.2) và dựa trên các lí do đã phân tích, Tòa (PCA) kết luận: Việc Trung Quốc đơn phương cho tuyên bố chủ quyền trên Biển Đông dựa trên quyền lịch sử, chủ quyền và quyền tài phán bằng việc đưa ra đường “đứt khúc 9 đoạn” là không phù hợp với Công ước Quốc tế về Luật Biển (UNCLOS) và không có hiệu lực pháp lí khi đã tự đặt ra giới hạn về địa lí vượt quá quyền hàng hải của nước này. Tòa kết luận rằng Công ước (UNCLOS) hủy bỏ bất kì quyền lịch sử, chủ quyền hay quyền tài phán nào vượt quá giới hạn đã nêu.² (tr.117)

² Nguyên văn: “With respect to Submission No. 2, for the reasons set out above, the Tribunal concludes that, as between the Philippines and China, China’s claims to historic rights, or other sovereign rights or jurisdiction, with respect to the maritime areas of the South China Sea

Bất chấp kết quả từ phía PCA, Trung Quốc tuyên bố phủ nhận phán quyết và tiếp tục tăng cường các hoạt động trên Biển Đông. Điều này đặt ra câu hỏi: Vậy Biển Đông đóng vai trò như thế nào đối với chính sách đối ngoại của Trung Quốc mà họ có thể bất chấp luật pháp quốc tế và sự phản đối của các nước có liên quan, quyết tâm thực hiện các hành vi như vậy? Mục tiêu của nước này là gì? Liệu nó có liên quan đến sự “trỗi dậy” của Trung Quốc trong thời gian gần đây hay không? Để cung cấp thêm góc nhìn nhằm luận giải vấn đề này, tác giả sẽ đi vào phân tích dựa trên hai học thuyết địa – chính trị và quan hệ quốc tế. Đó chính là Thuyết chuyển giao quyền lực (Power Transition Theory) và Thuyết cường quốc biển (Theory of Sea Power).

2. Chính sách của Trung Quốc dưới góc nhìn quan hệ quốc tế

2.1. Thuyết chuyển giao quyền lực

Thuyết chuyển giao quyền lực được đề ra bởi nhà nghiên cứu A. F. K. Organski (2011) trong tác phẩm “Quyền lực thế giới” (World Politics). Đây là một học thuyết luận giải về sự tuần hoàn tự nhiên của chiến tranh trong mối liên hệ với yếu tố “quyền lực” (power) trong quan hệ quốc tế. Khi nói đến Thuyết chuyển giao quyền lực (Power Transition Theory), chúng ta cần chú ý các đặc điểm sau (tr.172-175):

encompassed by the relevant part of the ‘nine-dash line’ are contrary to the Convention and without lawful effect to the extent that they exceed the geographic and substantive limits of China’s maritime entitlements under the Convention. The Tribunal concludes that the Convention superseded any historic rights or other sovereign rights or jurisdiction in excess of the limits imposed therein”

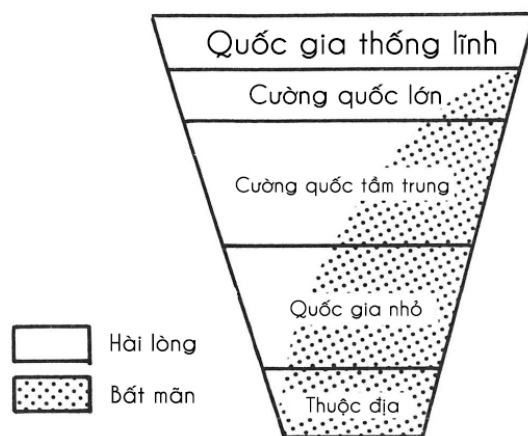
- Thuyết chuyên giao quyền lực nhấn mạnh đến yếu tố quyền lực nhưng lại cho rằng cốt lõi của trật tự thế giới không phải là tình trạng “vô chính phủ” (anarchy) mà được sắp xếp theo thứ bậc (hierarchy) tương tự hệ thống chính trị của một quốc gia. Các quốc gia chấp nhận vị trí của mình trong trật tự thế giới và xác định ảnh hưởng dựa trên sự khác nhau của việc phân bổ quyền lực giữa chúng.

- Thuyết chuyên giao quyền lực thừa nhận sự tương đồng trong cách thức vận hành của hệ thống chính trị quốc gia và hệ thống thế giới dù trong hệ thống thế giới khuyết đi một cơ quan chấp pháp dựa trên các điều luật quốc tế: Các nhóm chính trị (cụ thể ở đây là các quốc gia) luôn trong tình trạng cạnh tranh lẫn nhau.

- Thuyết chuyên giao quyền lực thừa nhận sự cạnh tranh trên bình diện quốc tế có thể xuất phát từ việc xung đột hay hợp tác. Khác với Thuyết cân bằng quyền lực (balance-of-power), Thuyết chuyên giao quyền lực cho rằng mục tiêu của các quốc gia không phải để tối đa hóa sức mạnh mà

thay vào đó là tối đa hóa mức độ gia tăng lợi ích của mình (net gains). Việc cạnh tranh trong hòa bình được đảm bảo khi các bên nhận thức rằng sự gia tăng lợi ích đến từ xung đột thấp hơn so với tổng lợi ích quốc gia; và xung đột chỉ xuất hiện trong trường hợp ngược lại.

Với những đặc điểm kể trên, có thể thấy những người theo Thuyết chuyên giao quyền lực có cái nhìn khác về trật tự thế giới so với những người theo Chủ nghĩa hiện thực (Realism) truyền thống. Trật tự thế giới dưới góc nhìn của Thuyết chuyên giao quyền lực bao gồm: quốc gia thống lĩnh (dominant nation), cường quốc lớn (great powers), cường quốc tầm trung (middle powers), quốc gia nhỏ (small powers) và thuộc địa (colonies – hiện nay đã không còn). Trong đó, quốc gia thống lĩnh có sức mạnh tối thượng trong trật tự thế giới (tương tự trường hợp của nước Anh trong quá khứ và nước Mỹ hiện nay). Các cường quốc lớn dù yếu hơn cường quốc thống lĩnh nhưng hoàn toàn có thể thách thức được vai trò đó trong tương lai.



Hình 1. Sự phân chia thứ bậc sức mạnh trong trật tự thế giới

Nguồn: Manus I. Midlarsky

Bên cạnh quyền lực, Thuyết chuyên gia quyền lực còn nhấn mạnh đến yếu tố “hài lòng” (satisfaction) của các quốc gia trong trật tự thế giới. Mức độ hài lòng của một quốc gia quyết định đến tình trạng hòa bình hay xung đột. Các cường quốc lớn ủng hộ trật tự thế giới lãnh đạo bởi cường quốc thống lĩnh thường là đồng minh của cường quốc này. Các cường quốc lớn hài lòng với việc phân chia lợi ích trong quan hệ quốc tế, và do đó, tình trạng hòa bình được đảm bảo. Vì vậy, lí thuyết này cho rằng liên minh (ally) mang tính bền vững và đáng tin cậy được thiết lập để duy trì trật tự thế giới.

Tuy nhiên, không phải quốc gia nào cũng đều hài lòng với quốc gia thống lĩnh cũng như trật tự thế giới đã được định sẵn. Một số không thỏa mãn với lợi ích nhận được trong cách phân chia thế giới. Quốc gia bất mãn này sẽ chỉ thể hiện thái độ ra mặt khi bản thân nó đã là một cường quốc lớn và đã có khả năng thách thức hoặc đuổi kịp sức mạnh của quốc gia thống lĩnh. Khi đó, nó được gọi là “kẻ thách thức” (the challenger). “Kẻ thách thức” sẽ cố gắng thay đổi hiện trạng của trật tự thế giới vì tin rằng mình cần có vị trí tương xứng dựa trên sức mạnh đang tăng lên. Điều này sẽ dẫn tới việc chấm dứt trạng thái hòa bình và chuyển sang xung đột (conflict). Đặc biệt, quốc gia thách thức chỉ xuất hiện khi sự gia tăng sức mạnh của nó nhanh hơn so với sự gia tăng sức mạnh của quốc gia thống lĩnh. Sự trở dậy của quốc gia thách thức tại thời điểm đó sẽ tạo ra mối lo sợ đối với quốc gia thống lĩnh khi “kẻ thách thức” có khả năng chiếm lấy vị thế thống lĩnh và

thay đổi trật tự thế giới hiện tại.

Dựa trên lí thuyết của Organski, tác giả sẽ tiến hành luận giải chính sách của Trung Quốc hiện nay. Sau năm 1978, dưới chính sách mở cửa của Đặng Tiểu Bình, “người không lò” Trung Quốc đã “thức dậy” và phát triển một cách nhanh chóng, đạt nhiều thành tựu về kinh tế và khoa học. Đến năm 2010, GDP của Trung Quốc đã chính thức vượt Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới (Barboza, 2010). Xét về sức mạnh của một quốc gia, Trung Quốc đã trở thành một cường quốc lớn (great power) trên thế giới. Nhiều chuyên gia dự báo, nước này sẽ vượt Mỹ trong vòng từ 10 đến 20 năm tới. Bên cạnh đó, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tập Cận Bình, Trung Quốc đã chuyển chính sách đối ngoại từ chiến lược “ẩn mình chờ thời” sang “giác mộng Trung Hoa” với mục đích tăng sức ảnh hưởng của Trung Quốc ra toàn thế giới, đặc biệt là thúc đẩy “quan hệ nước lớn kiểu mới” với Mỹ. Nhu cầu tìm kiếm ảnh hưởng là điều không thể né tránh nếu Trung Quốc muốn tiếp tục trở thành cường quốc. Các hành vi của Trung Quốc trên Biển Đông là lời khẳng định cho quyết tâm của Bắc Kinh trong việc khôi phục sức mạnh vốn có từ thời kì trung đại. Có vẻ như Trung Quốc đang muốn hướng đến một trật tự “lưỡng cực” (bipolar) thay vì trật tự “nhất siêu – đa cường” như hiện nay. Giám đốc Viện nghiên cứu Quốc tế của Đại học Thanh Hoa, Yan Xuetong, trong tác phẩm “Trung Quốc và Thế giới trong 10 năm nữa” (China and the world in the next ten years) đã đưa ra viễn cảnh về trật tự thế giới sau 10 năm nữa, trong đó

khẳng định thế giới sẽ chuyển từ trật tự “đơn cực” (hay nhất siêu) sang trật tự “lưỡng cực” (Kennedy and Paint, 2016, p.142).

Xét về mức độ hài lòng cùng với tham vọng trong tương lai, Trung Quốc có lí do để không đồng ý với trật tự hiện nay vốn dĩ được kiểm soát bởi một “cường quốc thống trị” là Mỹ, đặc biệt tại khu vực châu Á. Sự thay đổi trật tự thế giới là điều nước này muốn nhằm đáp ứng sức mạnh đang ngày càng tăng lên của mình. Với tốc độ gia tăng sức mạnh và sự suy yếu của Mỹ thì quá trình chuyển giao quyền lực, theo lí thuyết của Organski nhiều khả năng sẽ diễn ra trong tương lai dài hạn.

Tuy nhiên để có thể thách thức Mỹ trên toàn cầu, trước tiên Bắc Kinh phải có sức ảnh hưởng lớn ở châu Á. Về mặt kinh tế, Trung Quốc những năm gần đây đã tung ra các khoản ưu đãi kinh tế, viện trợ, đầu tư ở các quốc gia trong khu vực và trên thế giới hòng có được sự ủng hộ cho một “trật tự mới kiểu Trung Quốc”. Theo Hội nghị Liên hiệp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD, 2017), Trung Quốc lần đầu tiên đứng thứ hai trên thế giới về đầu tư ở nước ngoài (Foreign Direct Investment – FDI) (tr.xi). Trong lĩnh vực quân sự, Bắc Kinh tăng cường đầu tư phát triển và hiện đại hóa quân đội với mục tiêu “răn đe” các nước có đang tranh chấp hoặc chống lại chiến lược bành trướng ảnh hưởng của mình. Chính sách này tương tự “cây gậy và củ cà rốt” của Mỹ trong khoảng thời gian đầu thế kỉ XX. Việc tuyên bố chủ quyền và ráo riết thực hiện các hành vi kiểm soát Biển Đông cũng là một phần trong chiến

lược này của Trung Quốc

Việc áp dụng Thuyết chuyển giao quyền lực đối với trường hợp Trung Quốc và các chính sách của nó ở Biển Đông hiện vẫn còn gây tranh cãi trong giới học giả, rằng liệu đã đến thời điểm hay liệu Trung Quốc đã đủ khả năng thách thức Mỹ hay chưa, hay là lí thuyết này của Organski (vốn dĩ ra đời từ thế kỉ trước) có còn phù hợp để nhìn nhận sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa Mỹ và Trung Quốc hiện nay hay không? Việc kiểm chứng sự phù hợp của lí thuyết này sẽ còn phụ thuộc vào diễn tiến của tình hình khu vực cũng như mối quan hệ của hai cường quốc này trong tương lai. Tuy nhiên, việc xem xét chính sách của Trung Quốc ở khu vực bằng Thuyết chuyển giao quyền lực có thể giúp chúng ta có được một góc nhìn mới, góp phần tìm hiểu nguyên nhân của sự trỗi dậy và thái độ của Trung Quốc đối với trật tự thế giới hiện tại do Mỹ thiết lập từ cuối thế kỉ XX đến nay.

2.2. *Thuyết sức mạnh Biển*

Bên cạnh việc nhìn nhận chính sách của Trung Quốc thông qua Thuyết chuyển giao quyền lực thì Thuyết sức mạnh Biển (Theory of Sea Power) cũng góp phần lí giải các “hành vi” của nước này trên Biển Đông và nguyên nhân tại sao vùng Biển này lại đóng vai trò tối quan trọng trong chiến lược “thách thức” của Trung Quốc đối với Mỹ trong thế kỉ XXI đến như vậy.

Lí thuyết về sức mạnh Biển được nhà địa – chính trị lỗi lạc người Mỹ Alfred Thayer Mahan đề ra trong cuốn sách: “*Ảnh hưởng của sức mạnh Biển trong lịch sử*” (The influence of sea power upon history)

được xuất bản vào năm 1890. Đây được xem là một trong những “binh thư” quan trọng của thế giới thời kì hiện đại. Cuốn sách dựa trên quá trình trở thành đế quốc của các nước Anh, Hà Lan, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha trong thời kì các nước châu Âu tiến hành xâm lược thuộc địa nhằm chứng minh tầm quan trọng của Biển cũng như chiến lược Biển của các quốc gia trong mục tiêu trở thành một cường quốc trên thế giới.

Lí thuyết sức mạnh Biển của Mahan có góc nhìn ngược lại so với lí thuyết của Halford Mackinder³ vốn đề cao vai trò của lục địa và đất liền. Theo Mahan (2012), các yếu tố cơ bản để tạo ra sức mạnh Biển mà một quốc gia cần phải có bao gồm: (1) Vị trí giáp các biển và đại dương lớn; (2) Địa hình thuận lợi cho việc xây dựng cảng và có các con sông thông ra biển chảy qua vùng đất màu mỡ; (3) Dân số đông để cung cấp đủ số lượng thủy thủ và lao động đóng tàu; (4) Kinh tế phụ thuộc phần lớn vào ngư nghiệp và thương mại; (5) Ý thức của chính phủ quốc gia đó đối với chiến lược phát triển sức mạnh trên biển (tr.69-101).

Từ đó, Mahan cho rằng, để trở thành một cường quốc Biển, các quốc gia phải: (1) Xây dựng lực lượng hải quân và căn cứ hải quân để kiểm soát được các tuyến giao thông hàng hải của nước mình trước sự đe dọa của các nước phải; và (2) Có đội tàu

buôn mạnh cùng các hải cảng để buôn bán tự do với nước ngoài. Các đội tàu buôn này phải được bảo vệ bởi lực lượng hải quân. Tuy nhiên, ông cũng nhấn mạnh rằng sức mạnh hải quân đến từ cả lực lượng lẫn vị trí. Do đó, vị trí chiến lược đóng vai trò tối quan trọng trong chính sách “cường quốc Biển” của bất kì quốc gia nào.

Lí thuyết của Mahan từng là “kim chỉ nam” cho chính sách của Mỹ vào cuối thế kỉ XIX. Từ đó, Mỹ tiến hành kiểm soát kênh đào Panama, xây dựng căn cứ hải quân ở Caribbean và Hawaii, thông qua luật Hải quân. Đến cuối thế kỉ XIX, hải quân Mỹ từ hạng 12 vọt lên hạng 3 và sau Thế chiến I là vươn lên đứng đầu. Thế chiến thứ II Mỹ đã hoàn toàn kiểm soát Thái Bình Dương (Nguyễn Hải Hoàn, 2012). Nhờ có lực lượng hải quân nên sức mạnh quân sự và vị thế của Mỹ là tối thượng trong suốt nửa sau thế kỉ XX đến nay.

Tương tự đối với trường hợp của Nhật Bản, vào cuối thế kỉ XIX, khi Nhật hoàng nhận ra được tầm quan trọng của Thuyết sức mạnh Biển. Sách của Mahan nhanh chóng trở thành giáo án bắt buộc cho các trường hải quân Nhật. Số lượng tàu chiến được tăng lên hàng chục lần (từ 15 nghìn 1880 lên 700 nghìn năm 1914) (Nguyễn Hải Hoàn, 2012). Chiến lược này giúp Nhật nhanh chóng kiểm soát được toàn bộ khu vực Tây Thái Bình Dương và trở thành cường quốc thống lĩnh ở khu vực nửa đầu thế kỉ XX.

Từ lí thuyết của Mahan và Thuyết chuyển giao quyền lực, chúng tôi liên hệ đến một lí do giải thích tại sao Trung Quốc

³ Halford Mackinder (1861-1947) là một nhà địa – chính trị nổi tiếng người Anh. Ông là người đưa ra Thuyết vùng đất trung tâm (Heartland Theory) trong đó đề cao vai trò của lục địa trong chiến lược thống trị thế giới. Đây là điểm khác biệt trong quan điểm của ông với Alfred Thayer Mahan.

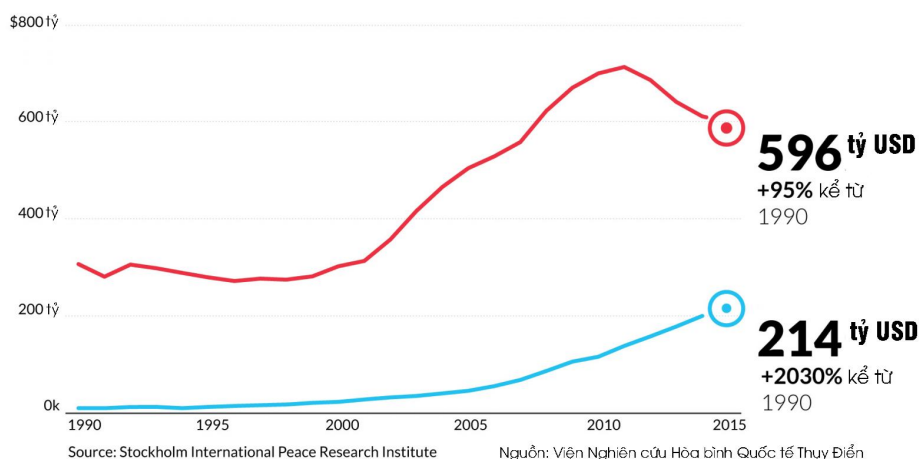
phải “cố chấp” để bảo vệ cho “đường lưỡi bò” mà nước này đã vạch ra từ thế kỉ trước. Có vẻ như trong nhận thức của một “quốc gia thách thức” (the challenger), Biển Đông chính là vùng biển duy nhất Trung Quốc có thể xây dựng một lực lượng hải quân để làm bàn đạp vượt sức ảnh hưởng ra bên ngoài với mục đích “tái lập” trật tự thế giới mới ở Thái Bình Dương vốn do Mỹ kiểm soát trong hơn nửa thế kỉ qua.

Kể từ năm 1990 đến nay, Trung Quốc đã gia tăng đáng kể việc đầu tư cho các hoạt động quân sự, trong đó chú trọng

lực lượng hải quân và không quân. Các chi phí này đã tăng đến 2030%, lên mức 214 tỉ USD kể từ 1990 đến 2015 (theo Biểu đồ 1). Tuy nhiên, điều đó vẫn chưa đáng kể so với mức 596 tỉ USD của Mỹ. Hiện có nhiều dự đoán khác nhau cho sự phát triển của lực lượng quân sự Trung Quốc dựa trên sự phát triển kinh tế của nước này nhưng hầu hết đều khẳng định mức chi tiêu Trung Quốc dành cho các hoạt động quốc phòng sẽ vượt Mỹ trong vòng từ 10 đến 30 năm tới.

Biểu đồ 1. So sánh chi tiêu quân sự giữa Mỹ và Trung Quốc

Chi tiêu cho quân sự giữa Mỹ và Trung Quốc từ sau Chiến tranh



Trong thời điểm hiện tại, khi mà Biển Hoa Đông vẫn còn bị án ngữ bởi Nhật Bản và vùng lãnh thổ Đài Loan (vốn dĩ là đồng minh truyền thống của Mỹ) thì Bắc Kinh sẽ khó lòng đạt được “Trung Hoa mộng” nếu tiến hành mở rộng ảnh hưởng ở đây. Nhưng với vị trí tiếp giáp Đông Nam Á, một khu vực gồm nhiều nước sở hữu sức mạnh không đáng kể và là nơi ảnh

hưởng của Mỹ đang suy yếu vì mối bận tâm cho cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố và nhà nước Hồi giáo tự xưng ISIS ở Trung Đông, Biển Đông sẽ là nơi Trung Quốc dễ dàng sử dụng ưu thế về sức mạnh để thực hiện chiến lược vươn ra trở thành một “cường quốc Biển”. Biển Đông và Đông Nam Á sẽ là “bàn đạp lí tưởng” cho Trung Quốc tiếp tục chiến lược cạnh tranh

sức mạnh quân sự với Mỹ ở Thái Bình Dương trong tương lai.

Khó có thể phủ nhận được ảnh hưởng Thuyết sức mạnh Biển trong chính sách của Trung Quốc hiện nay. Dường như Bắc Kinh đang đi theo chiến lược của Washington trong nửa đầu thế kỉ XX: sử dụng sức mạnh để kiểm soát các hòn đảo, quần đảo rồi từ đó tiến tới kiểm soát toàn bộ Thái Bình Dương. Tuy nhiên, khác với thực tiễn của Mỹ trong quá khứ, chiến lược của Bắc Kinh có thể sẽ đối mặt với hai trở ngại lớn. *Thứ nhất* là vấn đề toàn cầu hóa. Dưới tác động của thế giới phẳng và sự phát triển của ngành truyền thông thì bất kì hành động hay động thái nào của các bên cũng đều được ghi nhận và được truyền khắp thế giới. *Thứ hai*, từ sau khi Liên hiệp quốc được thành lập, hệ thống luật pháp thế giới dần hoàn thiện và trở thành điều kiện ràng buộc các quốc gia phải tuân thủ. Trong số đó có thể kể đến Công ước Liên hiệp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS). Các hành động vi phạm công ước quốc tế sẽ phải đối mặt với sự phản đối từ cộng đồng quốc tế. Đây là hai điều mà nước Mỹ trong quá khứ đã không vấp phải.

Dù biết rằng luật pháp quốc tế mang tính chất “lông lẻo” do không có cơ quan hay cơ chế cưỡng chế nào, nhưng việc đi ngược lại với các công ước quốc tế, nghiêm trọng hơn là hành vi không tôn trọng phán quyết của các tòa án trọng tài sẽ tạo nên hình ảnh xấu về một cường quốc “không có trách nhiệm” với thế giới. Khi mà “luật chơi” đã được Mỹ sắp đặt dựa trên sức mạnh của “siêu cường” từ sau Chiến tranh thế giới thứ II đến nay, Trung Quốc

dường như sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc đưa các yêu sách của mình tại Biển Đông.

3. Kết luận

Sự phát triển về kinh tế lẫn sức mạnh quân sự của Trung Quốc trong vài chục năm gần đây đã tạo tiền đề cho nước này vươn lên thành một cường quốc trong khu vực và thế giới. Việc tuyên bố độc chiếm 80% Biển Đông đã gây phản ứng lo ngại cho rất nhiều nước hữu quan, trong đó có Mỹ. Sẽ khó để hình dung chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Mỹ và thế giới như thế nào nếu như chỉ nhìn qua các hành vi đã diễn ra. Tuy nhiên, Thuyết chuyển giao quyền lực và Thuyết cường quốc Biển sẽ là một trong những cơ sở lí luận giúp cho chúng ta kiểm chứng và định hướng giải thích những “ý muốn” của Trung Quốc.

Thay vì hài lòng với trật tự thế giới do “siêu cường” Mỹ đứng đầu như các cường quốc khác, Trung Quốc lại tỏ thái độ “bất mãn” (dissatisfied) với trật tự này. Với sự tự tin vào tiềm lực của mình, Trung Quốc dần thể hiện là một “kẻ thách thức” (the challenger) vai trò “thống lĩnh” (dominant) của Mỹ. Do đó, chiến lược của Trung Quốc được bắt đầu như cách mà Mỹ đã thực hiện một thế kỉ trước: trở thành cường quốc biển, vươn ra Thái Bình Dương để đối đầu với Mỹ và xa hơn là thay đổi “trật tự thế giới”. Lí thuyết về cường quốc Biển của Alfred Thayer Mahan đã từng là “kim chỉ nam” cho nhiều quốc gia trong chính sách trở thành cường quốc của thế giới trong quá khứ. Những hành động của Trung Quốc trên Biển Đông cho thấy

một quá trình tương tự đang diễn ra. Điều đó lí giải tại sao việc chiếm trọn Biển Đông lại có ý nghĩa với Trung Quốc đến vậy. Trong bối cảnh phải tránh né một Nhật Bản đầy kinh nghiệm và sức mạnh ở Biển Hoa Đông thì Biển Đông lại trở thành một khu vực khá dễ dàng để Trung Quốc có thể đạt được ưu thế quân sự vượt trội trước các nước ASEAN như Việt Nam, Philippines, Malaysia và Indonesia.

Hiện tại, còn quá sớm để khẳng định quá trình này đang diễn ra khi mà sức mạnh (về kinh tế lẫn quân sự) giữa Mỹ và

Trung Quốc hiện nay vẫn còn khoảng cách lớn. Việc nhìn nhận các sự kiện quan hệ quốc tế thông qua các lí thuyết này chỉ mang tính chất tương đối. Tuy nhiên, chúng tôi hi vọng qua việc luận giải học thuyết của Organski và Mahan sẽ giúp các học giả đang quan tâm đến vấn đề tranh chấp trên Biển Đông hiện nay có thêm một góc nhìn mới nhằm đưa ra những đánh giá phù hợp nhất về chính sách của các nước hữu quan, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Mahan, Alfred Thayer (2012). *Ảnh hưởng của sức mạnh trên Biển đối với lịch sử 1660 – 1783*. Hà Nội: NXB Tri Thức.
- Kennedy, Greg and Paint, Harsh V. (2016). *Assessing Maritime Power in the Asia-Pacific: The Impact of American Strategic Re-Balance*. U.S.A: Routledge Publisher.
- Kugler, Jacek and Organski, A.F.K. (2011). The Power Transition: A Retrospective and Prospective Evaluation. In Midlarsky, Manus I. ed. *Handbook of War Studies (Reissue edition)*. U.S.A: Routledge Publisher. Pp. 171-194
- Nguyễn Hải Hoàn. (2012). Thuyết sức mạnh Biển. *Tạp chí Tia sáng*. <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=116&CategoryID=42&News=4865>
- Tòa Trọng tài Thường trực. (PCA). Phán quyết Số 2013/19 về Biển Đông giữa Cộng hòa Philippines và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. *Tòa Trọng tài Thường trực (PCA)*. <https://assets.documentcloud.org/documents/2990927/PCA-Case-No-2013-19-The-South-China-Sea.pdf>
- Trương Minh Huy Vũ. (2016). Thuyết chuyển đổi quyền lực (Power transition theory), *Nghiên cứu Quốc tế*. <http://nghiencuuquocte.org/2016/06/18/thuyet-chuyen-doi-quyen-luc-power-transition-theory/>
- Bower, Ernest Z. and Poling, Gregory B. (2014). China-Vietnam Tensions High over Drilling Rig in Disputed Waters, *Center for Strategic and International Studies (CSIS)*. <http://csis.org/publication/critical-questions-china-vietnam-tensions-high-over-drilling-rig-disputed-waters>
- Barboza, David. (2010). China Passes Japan as Second-Largest Economy. *The New York Times*. http://www.nytimes.com/2010/08/16/business/global/16yuan.html?pagewanted=all&_r=0
- UNCTAD. (2017). World Investment Report 2017. *United Nations*. http://unctad.org/en/PublicationsLibrary/wir2017_en.pdf